

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Quang

Thư ký phiên họp: Ông Lê Đình Vạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 86/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Thu Gi, sinh năm 1980;

Nơi ĐKTT: Số A, Tổ X, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà aaa đường Đ, Khu phố c, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu Gi: Bà Nguyễn Trần Bích Ph, sinh năm 1996;

Địa chỉ liên hệ: Số nhà aaa đường Đ, Khu phố c, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người liên quan đến yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Văn Ngọc Tú Ph, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Trần Bích Ph có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 20/4/2021, bản tự khai người yêu cầu trình bày:

Bà Lê Thị Thu Gi đang khởi kiện bà Văn Ngọc Tú Ph sinh năm 1985; địa chỉ: Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý số 143/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020 về việc “TrPh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, bà Văn Ngọc Tú Ph đã không còn sinh sống tại địa chỉ trên từ năm 2017 theo Biên bản xác minh ngày 05/3/2021 tại Công an xã Ph, huyện Vĩnh Cửu. Bà Gi đã liên lạc nhiều nơi nhưng không xác định được hiện nay bà Ph đang cư trú ở địa chỉ nào. Để có căn cứ giải quyết vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bà Gi yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Văn Ngọc Tú Ph. Bà Gi không yêu cầu quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nhận định:

[1] Về tố tụng

Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 20/4/2021, bà Lê Thị Thu Gi có đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Văn Ngọc Tú Ph, sinh năm 1985; Nơi ĐKTT: Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ cư trú trước khi biệt tích: Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; căn cứ vào khoản 2 Điều 27, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc dân sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về nội dung

Theo lời khai và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện việc bà Văn Ngọc Tú Ph không còn sinh sống tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú quá thời hạn 06 tháng là có cơ sở. Tại Biên bản xác minh ngày 05/3/2021, Công an xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Văn Ngọc Tú Ph có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; từ năm 2017 bà Ph và gia đình đã không còn sinh sống tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Ph đều vắng mặt. Bà Lê Thị Thu Gi cũng đã liên lạc, cung cấp số điện thoại nhưng không thể liên lạc và có tin tức của bà Văn Ngọc Tú Ph.

Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở xác định bà Văn Ngọc Tú Ph biệt tích 06 tháng liền trở lên theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu thông báo tìm kiếm một người vắng mặt tại nơi cư trú của bà Lê Thị Thu Gi đối với Văn Ngọc Tú Ph là có căn cứ. Do không xác định được ngày có tin tức cuối cùng của bà Văn Ngọc

Tú Ph nên thời hạn này sẽ được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo của năm có tin tức cuối cùng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú: Do bà Gi không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc thì yêu cầu của bà Lê Thị Thu Gi là có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu Gi về “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với bà Văn Ngọc Tú Ph, sinh năm 1985; Nơi ĐKTT: Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Chủ tọa phiên họp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Bà Lê Thị Thu Gi phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 35, 39, 361, 369, 370, 371, 372, 383, 384, 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 64, 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thị Thu Gi về “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với bà Văn Ngọc Tú Ph.

2. Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Văn Ngọc Tú Ph, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà XYZ, Ấp B, xã Ph, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Về quản lý tài sản của người bị thông báo: Bà Lê Thị Thu Gi không yêu cầu quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú nên không đặt ra xem xét.

3. Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Tòa án ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, thông báo này phải được đăng trên một trong các báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp, Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Thu Gi phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí người yêu cầu đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006283 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Gi đã nộp đủ lệ phí.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét theo trình tự phúc thẩm.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

Nguyễn Xuân Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày tháng năm).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”